

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 31-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 1982

NGHỊ QUYẾT

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 31-HĐBT NGÀY 22 THÁNG 2 NĂM 1982 VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP CÁC TỈNH
TÂY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN 1981-1985.

Tây Nguyên là vùng chiến lược có vị trí rất quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của đất nước . Với khoảng 1.6 triệu hécta đất nông nghiệp phì nhiêu, và khoảng 3.3 triệu hécta đất lâm nghiệp và rừng có trữ lượng gỗ và lâm sản, đặc sản rất phong phú, Tây Nguyên có khả năng phát triển nhanh và toàn diện về nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến nông - lâm sản với khối lượng lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, cùng với sự chi viện của các ngành ở Trung ương , trong những năm qua, Đảng bộ , chính quyền, nhân dân các dân tộc , bộ đội, cán bộ, công nhân viên ở Tây Nguyên đã có những cố gắng to lớn trong việc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, truy quét Fulrô và các tổ chức phản động, định canh, định cư tiếp nhận thêm lao động đến xây dựng vùng kinh tế mới, phục hoá, khai hoang, làm thủy lợi , phát triển lương thực và thực phẩm , khôi phục và mở rộng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, khai thác lâm sản, phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu, phân phối lưu thông, xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật,xây dựng quan hệ sản xuất mới, phát triển sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục, ổn định một bước đời sống nhân dân, làm biến đổi rõ rệt bộ mặt của Tây Nguyên về chính trị, kinh tế , văn hoá và xã hội. Nổi bật nhất là Tây Nguyên trước kia là một vùng thiếu ăn nay đã bước đầu giải quyết có kết quả vấn đề lương thực.

Tuy nhiên, do phương hướng đầu tư chưa rõ, cơ cấu cây trồng và vật nuôi chưa hợp lý, nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tuy được tăng cường nhưng không đồng bộ, một số chính sách kinh tế chưa phù hợp, cán bộ thiếu, trình độ yếu và việc chỉ đạo của các ngành, các địa

phương chưa sát và kịp thời nên việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp còn bị hạn chế, các thế mạnh về cây công nghiệp, nghề rừng chưa được phát huy. Đặc biệt là rừng bị tàn phá nghiêm trọng, đất đai bị xói mòn, năng suất cây trồng chưa cao và có xu hướng giảm sút.

Để khai thác có hiệu quả tiềm lực kinh tế của Tây Nguyên, nhằm phục vụ tốt đời sống nhân dân, phục vụ tốt cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, tăng cường an ninh chính trị và quốc phòng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Hội đồng Bộ trưởng quyết định thực hiện những nhiệm vụ kinh tế quan trọng sau đây.

I. VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP Ở TÂY NGUYÊN

Phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân các dân tộc, quân đội, cán bộ và công nhân viên ở Tây nguyên cùng với cố gắng chung của cả nước, phát huy tiềm năng đất, rừng, lao động và các cơ sở vật chất - kỹ thuật, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện và lâm nghiệp trên cơ sở nông - lâm kết hợp, phát triển công nghiệp, trước hết là công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chế biến nông - lâm sản, làm cho các tỉnh Tây Nguyên nhanh chóng có cơ cấu nông - lâm - công nghiệp, từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện thắng lợi bốn mục tiêu chủ yếu:

- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.
- Từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết để phát triển kinh tế toàn diện.
- củng cố an ninh chính trị và quốc phòng.
- Cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào phương hướng, mục tiêu chung trên đây, trong 5 năm 1981-1985 cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Về nông nghiệp:

- Về lương thực thực phẩm, phải đẩy mạnh sản xuất lương thực bao gồm cả lúa và màu, để đảm bảo giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực tại địa phương cho người (kể cả nhân khẩu sẽ chuyển đến xây dựng kinh tế mới và lực lượng vũ trang), thức ăn gia súc và có dự trữ. Sản lượng đến năm 1985 đạt từ 65 đến 70 vạn tấn lương thực, trong đó Gia Lai - Kon Tum 30 đến 32 vạn tấn, Đắk Lắk 21 - 25 vạn tấn, Lâm Đồng 14 - 15 vạn tấn. Trong lương thực, màu ít nhất

chiến tỷ lệ 50 %. Để thực hiện chỉ tiêu trên, phải thâm canh lúa (cả lúa nước và lúa gieo) và mở thêm diện tích lúa nước, đẩy mạnh sản xuất ngô, khoai lang, sắn với diện tích hợp lý và các loại cây lấy củ, lấy hạt khác... Đẩy mạnh sản xuất các loại rau, quả, đỗ đậu để cải tiến cơ cấu bữa ăn của nhân dân. Cũng cố vùng rau Đà Lạt để sản xuất rau cung cấp cho thành phố Hồ Chí Minh, đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và sản xuất giống cung cấp cho Nhà nước.

- *Về cây công nghiệp*, lâu dài phải chú ý thế mạnh về cây công nghiệp dài ngày, nhưng trước mắt phải đặc biệt chú ý phát triển mạnh các loại cây công nghiệp ngắn ngày để xuất khẩu và tiêu dùng.

Đối với cây công nghiệp dài ngày, tập trung làm cây cà-phê, chè và dâu tằm. *Về cà-phê*, quốc doanh làm một phần, còn khuyến khích mạnh hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, và hộ gia đình trồng bán sản phẩm cho Nhà nước. Phải thâm canh tốt diện tích cà-phê hiện có, đồng thời, phải bảo đảm trồng mới khoảng 2,6 vạn héc-ta cà-phê hợp tác với các nước. *Về chè*, vừa thâm canh, vừa mở thêm diện tích vùng tập trung để bảo đảm đủ nguyên liệu cho các nhà máy; phát triển mạnh trồng chè trong nhân dân. Mở rộng vùng *dâu tằm* tập trung ở Bảo Lộc (Lâm Đồng), đồng thời, phát triển mạnh phong trào nhân dân sản xuất tơ tằm (tằm dâu, tằm sắn, tằm thâu dầu), trồng *bông* và cây có sợi khác để góp phần giải quyết nhu cầu mặc. Thâm canh khai thác tốt diện tích cao-su hiện có và kết hợp trồng rừng với trồng cao-su.

Đối với cây công nghiệp ngắn ngày, đẩy mạnh sản xuất *lạc*, *đậu tương*, vừng, đậu đen, thau dầu, thuốc lá... để xuất khẩu và tiêu dùng; phát triển trồng *mía* để làm đường. Phát triển cây *dược liệu* để xuất khẩu và tự giải quyết nhu cầu về thuốc.

- Phát triển mạnh *chăn nuôi* gia súc, gia cầm, cá, ong.... trong cả ba khu vực gia đình, tập thể và quốc doanh. Đặc biệt, đẩy mạnh chăn nuôi bò. Cũng cố và phát triển *bò sữa* ở Lâm Đồng, nghiên cứu mở rộng dần việc nuôi trâu bò sữa ở Tây Nguyên.

2. Về lâm nghiệp:

Trước hết, tập trung bảo vệ, quản lý tốt rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng đầu nguồn, rừng thông, rừng đặc sản. Kiên quyết chấm dứt nạn cháy rừng và tẻ phá rừng, đốt nương bừa bãi, tẻ khai thác rừng không có quy hoạch, kế hoạch và không theo đúng quy trình kỹ thuật. Đồng thời, đẩy mạnh trồng rừng, tu bổ, tái sinh và khoanh núi nuôi rừng. Bảo vệ, trồng mới rừng thông, có kế hoạch khai thác và chế biến gỗ thông, nhựa thông. Quản lý, khai thác tốt cây

đặc sản có dầu, tinh dầu và nhựa; bảo vệ các loài chim, thú quý, hiếm. Thực hiện tốt việc giao đất rừng cho tập thể và gia đình trồng và quản lý kinh doanh. Phát động phong trào và gây thành tập quán nhân dân, cơ quan, trường học, đơn vị bộ đội trồng rừng, trồng cây; hướng dẫn nhân dân xây dựng vườn cây gia đình, gắn với kế hoạch định canh, định cư của đồng bào dân tộc.

Khai thác và chế biến tốt gỗ và các lâm sản phục vụ sản xuất, xây dựng và xuất khẩu theo đúng quy hoạch, kế hoạch, quy trình kỹ thuật và cân đối với vận xuất, vận chuyển và tái sinh, tu bổ rừng. Chú ý tận thu cành ngọn, nguyên liệu cho công nghiệp giấy, củi đốt cho nhân dân. Thực hiện tốt phương thức sản xuất lâm - nông kết hợp.

3. Về hàng tiêu dùng:

Dựa vào ưu thế nguyên liệu, vật liệu và bằng các hình thức quốc doanh, tập thể và gia đình, từng địa phương phải có kế hoạch đẩy mạnh sản xuất, chế biến nông - lâm sản để cố gắng tự giải quyết đến mức cao nhất nhu cầu về hàng tiêu dùng, nhất là nhu cầu ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, phát triển văn hoá nghệ thuật của nhân dân. Trước hết, tập trung chế biến màu làm lương thực, chế biến thực phẩm, sản xuất các loại đồ dùng bằng gỗ, song, mây, tre, lá, vật liệu xây dựng, đồ dùng giảng dạy và học tập. Các ngành Trung ương phải giúp đỡ địa phương về kỹ thuật, thiết bị, cán bộ để sản xuất hàng tiêu dùng, đồng thời, từng địa phương cần tăng cường quan hệ hợp tác sản xuất với các địa phương khác, nhất là các tỉnh duyên hải Trung bộ và thành phố Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu về hàng hoá tiêu dùng ngày càng tăng của nhân dân. Những mặt hàng không thuộc diện Trung ương quản lý, địa phương có quyền quyết định kế hoạch sản xuất, giá cả, tổ chức phân phối tại địa phương hoặc trao đổi với địa phương khác.

4. Về xuất khẩu:

Phấn đấu tăng nhanh giá trị hàng xuất khẩu. Vừa tập trung nguồn hàng xuất khẩu cho Trung ương, vừa đẩy mạnh xuất khẩu địa phương để phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

Về lâu dài, sản phẩm xuất khẩu chủ lực ở Tây Nguyên là cà phê, các loại đặc sản, dược liệu và các loại sản phẩm chế biến từ nông, lâm sản. Trước mắt, phải tập trung làm tốt các mặt hàng đã có cà phê, chè, gỗ, dầu, nhựa thông, hàng thủ công mỹ nghệ.... và phát triển thật

mạnh cây ngắn ngày xuất khẩu như lạc, đậu tương, đậu đen, ớt, thầu dầu... Phải chú ý giải quyết tốt chính sách thu mua và các yêu cầu về chế biến, bao gói, vận chuyển.

II. CÁC CHỦ TRƯỞNG BIỆN PHÁP LỚN

1. Tăng cường lao động cho Tây Nguyên:

Tây Nguyên là một địa bàn trọng điểm để thực hiện phân bố lại lao động của cả nước. Cùng với việc sử dụng tốt lao động hiện có, kể cả lực lượng vũ trang, cần phải chuẩn bị để tiếp nhận từ 15 đến 20 vạn lao động (khoảng 35 - 40 vạn nhân khẩu) từ các tỉnh khác đến. Phần lớn lao động đưa đến cần được bố trí vào khu vực sản xuất tập thể, một bộ phận bố trí vào nông trường, lâm trường, xí nghiệp quốc doanh. Cần chủ động phát huy mọi khả năng kỹ thuật và nghề nghiệp của số lao động miền xuôi lên, nhất là trong việc thâm canh nông nghiệp, chế biến lương thực, thực phẩm và nông-lâm sản, xây dựng, dịch vụ, phát triển ngành nghề ở hợp tác xã v.v....

Tỉnh đưa lao động đến cần tăng cường cho tỉnh nhận lao động các cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở. Lao động đi xây dựng kinh tế tập thể cần có cơ cấu thích hợp, có cán bộ, đảng viên, đoàn viên, cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ, y tế, văn hoá, giáo dục, thợ thủ công, người làm dịch vụ... và tạo điều kiện cho đồng bào mang theo trâu, bò, nông cụ, cây con giống....

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ phải phối hợp chặt chẽ và cùng với địa phương giải quyết đồng bộ, kịp thời các yêu cầu đưa, đón lao động, bảo đảm cho đồng bào sớm ổn định sản xuất và đời sống.

2. Hoàn thành việc định canh, định cư:

Trong 5 năm 1981 - 1985, phải bảo đảm đầu tư vốn để tiếp tục củng cố cơ sở định canh, định cư cũ và hoàn thành cơ bản việc định canh, định cư khoảng 20 vạn nhân khẩu còn lại. Phải gắn định canh định cư với xây dựng quan hệ sản xuất mới và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Kết hợp vốn đầu tư của Nhà nước với sự đóng góp của dân để tạo cho đồng bào có ruộng, có vườn, nhà ở và các công trình phúc lợi khác nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống.

Tuỳ tình hình cụ thể, có thể tiếp thu số dân du canh du cư vào nông trường, lâm trường, công trường hoặc tổ chức lại thành bản làng, thành đơn vị kinh tế tập thể thích hợp. Phải phát huy